

ĐẠI HỌC HUẾ
TRƯỜNG ĐẠI HỌC LUẬT



**CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO ĐẠI HỌC
CỦA TRƯỜNG ĐẠI HỌC LUẬT – ĐẠI HỌC HUẾ**

HUẾ, 10/2015

Số: 170/QĐ-ĐHL

Thừa Thiên Huế, ngày 10 tháng 9 năm 2015

QUYẾT ĐỊNH

Về việc ban hành chương trình đào tạo theo hệ thống tín chỉ đối với hệ đào tạo đại học ngành Luật Kinh tế hệ chính quy

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC LUẬT

Căn cứ Nghị định số 30/NĐ-CP ngày 04 tháng 4 năm 1994 của Chính phủ về việc thành lập Đại học Huế;

Căn cứ Thông tư số 08/2014/TT-BGDĐT ngày 20 tháng 3 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy chế Tổ chức và hoạt động của Đại học vùng và các cơ sở giáo dục đại học thành viên;

Căn cứ Quyết định số 274/QĐ-TTg ngày 03 tháng 3 năm 2015 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập Trường Đại học Luật thuộc Đại học Huế;

Căn cứ Quyết định số 345/QĐ-ĐHH ngày 25 tháng 3 năm 2015 của Giám đốc Đại học Huế về việc bổ nhiệm Hiệu trưởng Trường Đại học Luật;

Căn cứ theo Quyết định số 2836/QĐ-BGDĐT ngày 05 tháng 8 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo cho phép Trường Đại học Luật – Đại học Huế tổ chức hoạt động từ năm học 2015 – 2016;

Căn cứ vào kết luận của Hội đồng khoa học và đào tạo trường Đại học Luật – Đại học Huế ngày 28 tháng 8 năm 2015;

Xét đề nghị của Ông Trưởng phòng Đào tạo – Công tác sinh viên,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này chương trình đào tạo theo hệ thống tín chỉ đối với hệ đào tạo đại học ngành Luật Kinh tế hệ chính quy.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành.

Điều 3. Các ông/bà: Trưởng phòng Đào tạo – Công tác sinh viên, Tổ chức – Hành chính, Trưởng các đơn vị trực thuộc chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Lưu: VT,ĐT, KT-ĐBCLGD.



HIỆU TRƯỞNG

Đoàn Đức Lương

Thừa Thiên Huế, ngày 10 tháng 3 năm 2015

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO NGÀNH LUẬT KINH TẾ THEO HỆ THỐNG TÍN CHỈ

1. THÔNG TIN VỀ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

- Tên ngành đào tạo:
 - + Tiếng Việt: Luật Kinh tế
 - + Tiếng Anh: Economic Law
- Mã ngành đào tạo: D38 01 07
- Trình độ đào tạo: Đại học chính quy
- Thời gian đào tạo: 4 năm
- Tên văn bằng sau khi tốt nghiệp
 - + Tiếng Việt: Cử nhân Luật Kinh tế
 - + Tiếng Anh: The Degree of Bachelor Economic Law

2. MỤC TIÊU

* Kiến thức

Chương trình đào tạo Cử nhân Luật Kinh tế trang bị cho người học những hiểu biết cơ bản và toàn diện về hệ thống pháp luật Việt Nam và trọng tâm vào hệ thống pháp luật kinh tế. Người học sẽ được tiếp cận với những kiến thức lý thuyết chuyên sâu về môi trường pháp lý trong lĩnh vực kinh tế; nắm vững lý thuyết và có kiến thức thực tế để có thể giải quyết các công việc pháp lý giúp người học có kiến thức nền tảng về khoa học pháp lý để có thể tiếp tục theo học bậc đào tạo sau đại học.

* Trang bị kỹ năng:

Hoàn thành khoá học, cử nhân luật kinh tế có thể thu nhận được kỹ năng giải thích, phân tích, đánh giá các hiện tượng xã hội dưới góc độ pháp lý; kỹ năng xây dựng, đọc, hiểu và thực hiện các văn bản pháp luật.

Có kỹ năng ngoại ngữ ở mức có thể hiểu được các ý chính của một báo cáo hay bài phát biểu về các chủ đề quen thuộc trong công việc liên quan đến ngành luật được đào tạo; có thể sử dụng ngoại ngữ để diễn đạt, xử lý một số tình huống chuyên môn thông thường.

* Thái độ và trách nhiệm:

Cử nhân luật kinh tế chấp hành nghiêm túc pháp luật, suy nghĩ trên nền tảng đạo lý, quyết định và hành động trên cơ sở pháp lý;

Cử nhân luật kinh tế có những phẩm chất đạo đức nghề nghiệp cần thiết, đặc biệt là thái độ trung thực, có ý thức trách nhiệm cao đối với bản thân cũng như trong công việc, có ý thức bảo vệ lợi ích của cộng đồng và xã hội.

3. CĂN CỨ PHÁP LÝ

Căn cứ Quy chế đào tạo đại học và cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ ban hành theo Quyết định số 43/2007/QĐ-BGDĐT ngày 15/8/2007;

Căn cứ Thông tư 07/2015/TT-BGDĐT ngày 16 tháng 4 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định về khối lượng kiến thức tối thiểu, yêu cầu về năng lực mà người học đạt được sau khi tốt nghiệp đối với mỗi trình độ đào tạo của giáo dục đại học.

Căn cứ theo Quyết định số 2836/QĐ-BGDĐT ngày 05 tháng 8 năm 2015 cho phép Trường Đại học Luật – Đại học Huế tổ chức hoạt động từ năm học 2015 – 2016.

4. ĐỐI TƯỢNG TUYỂN SINH

Công dân của nước CHXHCN Việt Nam có đủ điều kiện dự thi tuyển sinh theo quy chế tuyển sinh của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

5. QUY TRÌNH ĐÀO TẠO, ĐIỀU KIỆN TỐT NGHIỆP

- Đào tạo theo hình thức tích lũy tín chỉ

- Điều kiện tốt nghiệp:

+ Thời điểm xét tốt nghiệp không bị truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc không đang trong thời gian bị kỷ luật ở mức đình chỉ học tập;

+ Tích lũy đủ 120 tín chỉ theo chương trình đào tạo

+ Điểm trung bình chung tích lũy của toàn khóa học đạt từ 2,0 điểm trở lên;

+ Có chứng chỉ giáo dục quốc phòng, giáo dục thể chất và ngoại ngữ.

6. THANG ĐIỂM

Áp dụng thang điểm 10 và thang điểm A, B, C, D

7. NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH

Tổng số tín chỉ phải tích lũy là 120 tín chỉ (TC), trong đó:

- Khối kiến thức chung (Không tính các môn học GDTC, QPAN)	29 TC
- Khối kiến thức cơ sở ngành, khối ngành	57 TC
- Khối kiến thức chuyên ngành trong đó:	16 TC
+ Học phần bắt buộc	10 TC
+ Học phần tự chọn	06 TC
- Khối kiến thức thực tập – thực tế	04 TC
- Khóa luận tốt nghiệp hoặc tín chỉ thay thế	07 TC
- Ngoại ngữ	07 TC

8. KHUNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

Số TT	MÃ HỌC PHẦN	TÊN HỌC PHẦN	SỐ TC	SỐ TIẾT GD
A	KIẾN THỨC GIÁO DỤC ĐẠI CƯƠNG			
I	<i>Các học phần Lý luận chính trị</i>		10	
1.	CTR1012	Những NLCB Chủ nghĩa Mác - Lênin 1	2	30
2.	CTR1013	Những NLCB Chủ nghĩa Mác - Lênin 2	3	45
3.	CTR1022	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	30
4.	CTR1033	Đường lối cách mạng của ĐCS Việt Nam	3	45
II	<i>Khoa học tự nhiên</i>		3	
5.	TIN1013	Tin học đại cương	3	45
III	<i>Khoa học Xã hội - Nhân văn</i>		16	
III.1	<i>Kiến thức bắt buộc</i>		10	
6.	LKT1013	Kinh tế vĩ mô	2	30
7.	LKT1033	Lịch sử nhà nước và pháp luật	3	45
8.	LKT1043	Lý luận nhà nước và pháp luật	3	45

9.	LKT1052	Văn bản pháp luật	2	30
III.2	<i>Kiến thức tự chọn (chọn 06 trong 12 TC)</i>		6	
10.	LKT1082	Quản trị học	2	30
11.	LKT1092	Xã hội học pháp luật	2	30
12.	LKT1072	Lịch sử các học thuyết kinh tế	2	30
13.	LJS1022	Văn hóa Việt Nam đại cương	2	30
14.	LKT1062	Nguyên lý kế toán	2	30
15.	CTR1052	Logic học	2	30
16.	LKT1063	Tiếng Việt thực hành	2	30
17.	LKT1023	Kinh tế vi mô	2	30
IV	Năng lực ngoại ngữ: Anh, Pháp theo chuẩn đầu ra của Trường Đại học Luật – Đại học Huế.		07 TC	
V	GDTC	Giáo dục thể chất (học trong 5 học kỳ)		
VI	GDQP	Giáo dục quốc phòng (học trong 4 Tuần lễ)		
B	KIẾN THỨC GIÁO DỤC CHUYÊN NGHIỆP			
I	Kiến thức cơ sở khối ngành và cơ sở ngành		57	
18.	LKT2023	Luật hiến pháp	3	45
19.	LKT2043	Luật hành chính	3	45
20.	LKT2053	Luật hình sự	3	45
21.	LKT2063	Luật dân sự 1	3	45
22.	LKT2074	Luật dân sự 2	3	45
23.	LKT2082	Pháp luật sở hữu trí tuệ	3	45
24.	LKT2092	Luật hôn nhân và gia đình	2	30
25.	LKT2102	Luật tố tụng hình sự	2	30
26.	LKT2114	Luật thương mại 1	3	45
27.	LKT2123	Luật thương mại 2	3	45
28.	LKT2132	Luật cạnh tranh	2	30
29.	LKT2143	Luật lao động	3	45
30.	LKT2152	Pháp luật an sinh xã hội	2	30
31.	LKT2163	Luật tài chính	3	45

32.	LK12172	Luật ngân hàng	3	45
33.	LKT2183	Luật đất đai	3	45
34.	LKT2192	Luật môi trường	2	30
35.	LKT2203	Luật tố tụng dân sự	3	45
36.	LK12213	Công pháp quốc tế	3	45
37.	LKT2223	Tư pháp quốc tế	3	45
38.	LKT2232	Luật thương mại quốc tế	2	30
II	Kiến thức chuyên ngành		16	
II.1	Chuyên ngành Luật hợp đồng		16	
II.1.1	Kiến thức bắt buộc		10	
39.	LKT3012	Pháp luật về hợp đồng	2	30
40.	LKT3022	Kỹ năng soạn thảo hợp đồng	2	30
41.	LKT3032	Các hợp đồng chuyển giao đối tượng của quyền sở hữu trí tuệ	2	30
42.	LKT3042	Một số hợp đồng thông dụng trong KD-TM	2	30
43.	LK13052	Một số HĐ thông dụng trong lĩnh vực dân sự	2	30
II.1.2	Kiến thức tự chọn (chọn 06 trong 10 TC)		6	
44.	LKT3112	Luật hợp đồng của các nước EU	2	30
45.	LKT3122	Kỹ năng đàm phán, soạn thảo HĐ TMQT	2	30
46.	LKT3132	Một số HĐ thông dụng trong lĩnh vực ngân hàng	2	30
47.	LKT3142	Một số HĐ thông dụng trong lĩnh vực lao động	2	30
48.	LKT3152	Một số HĐ thông dụng trong lĩnh vực kinh doanh bất động sản	2	30
II.2	Chuyên ngành Luật Tổ chức kinh doanh		16	
II.2.1	Khởi kiến thức bắt buộc (10TC)		10	
49.	LKT3312	Quản trị doanh nghiệp theo Luật DN	2	30
50.	LKT3322	Mua bán, sáp nhập doanh nghiệp theo PLVN	2	30
51.	LKT3332	Luật công ty của các nước Asean	2	30
52.	LKT3342	Liên doanh quốc tế	2	30
53.	LKT3352	Pháp luật về phá sản của một số nước trên thế giới	2	30
II.2.2	Kiến thức tự chọn (chọn 06 trong 10 TC)		6	

54.	LKT3412	Pháp luật về dịch vụ trung gian thương mại	2	30
55.	LKT3422	PL về xúc tiến thương mại của thương nhân	2	30
56.	LKT3432	Pháp luật tài chính doanh nghiệp	2	30
57.	LKT3442	Pháp luật bảo vệ người tiêu dùng	2	30
58.	LKT3452	Pháp luật về thị trường chứng khoán	2	30
C	KIẾN TẬP, THỰC TẬP TỐT NGHIỆP		04 TC	
59.	LKT2322	Thực hành nghề nghiệp	2	30
60.	LKT3513	Thực tập tốt nghiệp (Báo cáo thực tập tốt nghiệp)	2	30
D	KHOÁ LUẬN TỐT NGHIỆP		07 TC	
I	LKT4018	Khoá luận tốt nghiệp	7	
II		Học phần thay thế khóa luận tốt nghiệp	7	
II.1	<i>Chuyên ngành Luật Hợp đồng</i>		7	
61.	LKT4123	Giải quyết tranh chấp hợp đồng	3	45
62.	LKT4123	Pháp luật về hợp đồng thương mại quốc tế	2	30
63.	LKT4132	Pháp luật kinh doanh bảo hiểm	2	30
II.2	<i>Chuyên ngành Luật Tổ chức kinh doanh</i>		7	
64.	LKT4213	Quản trị nhân sự	3	45
65.	LKT4222	Luật Kinh tế quốc tế	2	30
66.	LKT4233	Luật Đầu tư	2	30
		Tổng số	120	



HIỆU TRƯỞNG

PGS.TS Đoàn Đức Lương